

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SEATECCO

(Sửa đổi ngày 24/11/2020)

Căn cứ để sửa đổi và xây dựng điều lệ công ty:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015.

- Các văn bản pháp luật hướng dẫn về thi hành luật doanh nghiệp.

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội cổ đông Công ty cổ phần SEATECCO, dưới đây gọi tắt là Công ty, đã nhất trí thông qua nội dung và cam kết thực hiện đúng những qui định trong bản điều lệ này.

Bản điều lệ này được xây dựng trên cơ sở Luật pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản có liên quan, là văn bản pháp qui cao nhất của Công ty cổ phần, điều tiết và chi phối toàn bộ quan hệ và hoạt động của Công ty. Bản điều lệ đã được thông qua tại đại hội đồng cổ đông ngày 24/11/2020.

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Nguyên tắc chung

Điều lệ này có thể sẽ không nhắc lại đầy đủ các qui định của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với Công ty cổ phần, các Cổ đông của Công ty cổ phần, Hội đồng quản trị, ban Giám đốc, kế toán trưởng, người lao động và công đoàn (trừ những ngoại lệ được nêu ra dưới đây) bởi vì mọi thể nhân và pháp nhân đều có nghĩa vụ tuân thủ các qui định của pháp luật dù Điều lệ có qui định hay không.

Điều 2: Tên Công ty và hình thức

1. Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN SEATECCO**
Tên giao dịch đối ngoại : **SEATECCO CORPORATION**
Tên giao dịch viết tắt : **SEATECCO**
2. Biểu tượng (Logo) : (đính kèm điều lệ)
3. Hình thức : Công ty cổ phần SEATECCO, dưới đây được gọi tắt là Công ty cổ phần, là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cung ứng và Phát triển Kỹ thuật Thủy sản Đà Nẵng theo quyết định số 126/2002/QĐUB ngày 06/12/2002 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

Điều 3 : Trụ sở, địa bàn hoạt động

1. Trụ sở chính Công ty đặt tại số nhà 174, Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Công ty có thể lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh đặt tại các địa phương khác trong hoặc ngoài nước tùy theo nhu cầu phát triển kinh doanh.
2. Địa bàn hoạt động của công ty : không giới hạn

Điều 4 : Tư cách pháp nhân

- Doanh nghiệp thuộc sở hữu của các cổ đông;
- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo qui định của pháp luật Việt Nam;
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật;
- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty đã đăng ký ;
- Hạch toán kinh tế độc lập; tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh;
- Có bảng cân đối tài sản riêng, được lập các quỹ theo qui định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5 : Mục tiêu và phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu :

Công ty được thành lập, tổ chức và không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh về các ngành nghề đã đăng ký và các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức và bảo

đảm các quyền lợi hợp pháp khác cho các cổ đông, thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và đóng góp lợi ích cho xã hội.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Tư vấn và thi công lắp đặt, bảo trì, sửa chữa các công trình : Hệ thống lạnh công nghiệp, hệ thống điều hoà không khí, hệ thống điện, hệ thống phòng chống cháy, hệ thống chống sét, hệ thống thông tin, thang máy, cấp thoát và xử lý nước, các dây chuyền công nghệ cho ngành chế biến thực phẩm, dược phẩm, nước giải khát và các ngành công nghiệp khác.

- Kinh doanh, sản xuất và gia công chế tạo máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu cơ-nhiệt-lạnh, điện- điện tử. Nhập khẩu và chuyển giao công nghệ các dây chuyền sản xuất, thiết bị đồng bộ phục vụ cho các ngành công nghiệp và dịch vụ.

- Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện.

- Sản xuất nước đá, đóng sửa các loại tàu thuyền. Kinh doanh, gia công chế biến gỗ, trang trí nội thất. Cung ứng các dịch vụ phục vụ ngành đánh bắt và chế biến thủy sản.

- Kinh doanh địa ốc và dịch vụ du lịch, khách sạn.

- Dịch vụ tư vấn đầu tư, đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán, liên doanh, liên kết kinh tế với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước và các hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

3. Tùy theo tình hình thị trường và nguyện vọng của cổ đông, Công ty có thể điều chỉnh, mở rộng hoặc thu hẹp ngành nghề kinh doanh. Những thay đổi này (nếu có) đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện đúng các thủ tục do Nhà nước qui định.

Điều 6 : Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn trừ trường hợp giải thể theo điều 62 của Điều lệ này.

Điều 7 : Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty

- Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

- Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng được phân chia lãi lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty.

- Cơ quan lãnh đạo và quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh và điều hành Công ty.

- Người quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 8: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội

Các tổ chức : Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động theo Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó. Công ty tôn trọng và mọi tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của tổ chức mình.

Chương II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 9 : Quyền của Công ty

Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty :

1. Quản lý, định đoạt, sử dụng, nâng cấp, cải tiến, mua, bán, cho thuê, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp. . . tất cả các động sản hoặc bất động sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác thuộc sở hữu Công ty nhằm vào mục đích phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty ;
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc phù hợp với mục tiêu và chức năng, ngành nghề hoạt động của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh chung cao nhất;
3. Đổi mới và đầu tư phát triển công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty;
4. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước hoặc ở nước ngoài tùy theo nhu cầu kinh doanh;
5. Chủ động tổ chức và lựa chọn hình thức kinh doanh những ngành nghề đã được đăng ký hoặc Nhà nước không cấm. Tùy theo tình hình thị trường và khả năng của Công ty trong từng thời kỳ cụ thể, Công ty có thể đề nghị Nhà nước cho phép bổ sung ngành nghề kinh doanh hoặc thu hẹp phạm vi hoạt động;
6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với qui định hiện hành của pháp luật;
7. Được pháp luật bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo qui định của pháp luật Việt Nam;
8. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc mua toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác nhằm mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh;
9. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, cho thôi việc; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng; quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo qui định của Bộ Luật lao động và các qui định khác của Pháp luật;
10. Mời và tiếp khách nước ngoài đến làm việc hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các qui định của Nhà nước;

Quyền quản lý tài chính Công ty :

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ kịp thời các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi.
2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản thuộc sở hữu của Công ty không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.
3. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng tại Việt nam để vay vốn kinh doanh theo qui định của pháp luật.

- Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo qui định của nhà nước và quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10 : Nghĩa vụ của Công ty

Nghĩa vụ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty

- Đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, kê khai ngành nghề kinh doanh theo đúng điều lệ của công ty; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.
- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
- Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo qui định của Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia vào việc quản lý Công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các quy chế khác.
- Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy.
- Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà Nước theo qui định của Pháp luật có liên quan. Tuân thủ các qui định về thanh tra của cơ quan tài chính và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo luật định.

Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

- Thực hiện đúng chế độ và các qui định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ; về kế toán, hạch toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính do Công ty lập.
- Bảo toàn và phát triển vốn, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; tạo điều kiện để phát triển doanh nghiệp.
- Thực hiện các khoản phải thu và các khoản trả ghi trong bảng cân đối tài sản của Công ty theo thời điểm thành lập Công ty.
- Công bố công khai báo cáo tài chính hằng năm, các thông tin đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

Chương III

VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC I : VỐN

Điều 11 : Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán, theo dõi theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam và theo phương thức được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua điều lệ này ngày 24 tháng 11 năm 2020 được đăng ký là : **60.000.000.000 đ** (*Bằng chữ : Sáu mươi tỉ đồng chẵn*)

Vốn điều lệ Công ty có thể thay đổi tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị và được Đại hội cổ đông quyết định tại từng thời điểm cụ thể. Trường hợp thay đổi vốn điều lệ Công ty phải làm các thủ tục đăng ký thay đổi theo đúng qui định của pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty được ghi trên giấy đăng ký kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm cụ thể.

3. Vốn điều lệ của Công ty có thể được tăng bằng các phương thức sau đây :

- Phát hành cổ phiếu mới;
- Chuyển các quỹ dự trữ, quỹ tích lũy thành vốn điều lệ.

Tất cả các phương thức trên phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi thực hiện.

Công ty có thể giảm vốn điều lệ theo các phương thức sau đây :

- Thu hồi một phần cổ phiếu của các cổ đông lưu hành theo một tỷ lệ tương ứng lượng vốn định giảm.
- Phát hành cổ phiếu mới và thu hồi cổ phiếu cũ, mỗi cổ đông được quyền đổi cổ phiếu theo một tỷ lệ tương ứng lượng vốn giảm.
- Trường hợp khi Công ty bị thua lỗ thì mọi cổ đông phải chịu giảm giá trị cổ phiếu theo tỷ lệ giảm vốn sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận báo cáo tài chính.

4. Vốn điều lệ được sử dụng cho các mục đích :

- Đầu tư, mua sắm tài sản cố định và máy móc trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện phù hợp với nhu cầu hoạt động của Công ty;
- Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh;
- Đầu tư phát triển về công nghệ, kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh;
- Mua chứng khoán, cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh;
- Dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;
- Kinh doanh khác trong phạm vi hoạt động của Công ty.

5. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào. (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định thu hẹp sản xuất).

MỤC II : CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 12 : Cổ phần, cổ phiếu

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
2. Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty được gọi là cổ phiếu.

Điều 13 : Hình thức cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất trên cơ sở qui định của nhà nước về phát hành cổ phiếu.
2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được đóng dấu Công ty mới hợp lệ, không được rách, mờ.
3. Công ty chỉ phát hành 1 loại cổ phiếu là Cổ phiếu ghi danh (có ghi tên người sở hữu cổ phiếu). Mọi cổ phiếu ghi danh đều được tự do chuyển nhượng ngoại trừ các quy định tại khoản 6 điều 15 của Điều lệ này.

4. Khi có đủ điều kiện và được đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì cổ phiếu của công ty sẽ được niêm yết tại trung tâm lưu ký chứng khoán và mọi quy định về cổ phần-cổ phiếu theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định khác của pháp luật

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó theo đúng trình tự quy định của Công ty ban hành.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời cho công ty để cập nhật vào sổ cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 15 : Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

b) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông

c) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định.

2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thông báo đến các cổ đông. Cổ đông sẽ làm thủ tục đăng ký mua cổ phần theo Quy định của Công ty. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo qui định được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp quy định ở khoản 6 điều này. Việc chuyển nhượng được thực hiện theo quy trình và biểu mẫu do Công ty ban hành. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu thì công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và hiệu chỉnh số cổ phần còn lại trong tờ cổ phiếu cũ.

6. Các cổ phần sau đây bị hạn chế chuyển nhượng :

- Các cổ phiếu phát hành ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông không được chuyển nhượng trong một thời gian nhất định.

- Cổ phiếu của các thành viên HĐQT, BKS hoặc người ủy quyền để cử người vào HĐQT, BKS sẽ không được chuyển nhượng trong suốt nhiệm kỳ khi tổng số cổ phiếu chỉ còn bằng với tỉ lệ quy định tại điều lệ này để đủ tiêu chuẩn là thành viên HĐQT hay Kiểm soát viên.

- Hội đồng quản trị có quyền cho chuyển nhượng các cổ phiếu trên nếu xét thấy cần thiết theo yêu cầu của cổ đông và chịu trách nhiệm về quyết định này nếu quyền lợi của công ty bị ảnh hưởng.

7. Khi Công ty tham gia vào thị trường chứng khoán thì điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 16. Phát hành trái phiếu

1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật .

2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 17. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại cổ phần không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của điều lệ công ty nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của điều lệ công ty được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 điều 111 Luật doanh nghiệp 2014.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải

liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với công ty.

Điều 21. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong vòng **ba tháng** kể từ ngày kết thúc cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định thời hạn, hình thức chi trả và phải thông báo đến các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.

3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

Điều 22. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 của điều lệ công ty hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 21 của Luật này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi giá trị số tiền đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 23 : Thừa kế cổ phần

1. Trong trường hợp một cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất.

- Người thừa kế duy nhất theo luật định.

- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

2. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế được đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Trường hợp thừa kế số cổ phần mà cán bộ, công nhân viên được mua ưu đãi trả dần thì người được thừa kế phải chịu trách nhiệm về khoản trả dần đó cho công ty.

MỤC III : CỔ ĐÔNG

Điều 24 : Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và nhận được cổ phiếu hợp lệ.

3. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:

a. Cổ đông là pháp nhân là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.

b. Cổ đông là cá nhân thì chính cá nhân đó làm đại diện.

c. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận 100% của các cổ đông này bằng văn bản.

4. Ủy quyền:

a. Người đại diện nêu tại mục 3 trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm người đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty phải thỏa mãn qui định của pháp luật và không được ủy quyền lại cho người khác (không ủy quyền cho người thứ 3).

b. Việc ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty.

c. Trường hợp cổ đông muốn ủy quyền để đảm bảo tỷ lệ cổ phần chiếm giữ nhằm đề cử người vào Hội đồng quản trị Công ty hoặc Ban Kiểm soát thì thời gian ủy quyền phải liên tục trong suốt nhiệm kỳ của hội đồng quản trị và ban kiểm soát. Trong thời gian nêu trên cổ đông không có quyền thay đổi người ủy quyền.

5. Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân chấp nhận giải thể thì cổ phần của cổ đông này được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác theo lệnh của cổ đông đó nhưng không trái với Điều lệ Công ty.

Tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông, Công ty đăng ký lại danh sách cổ đông một lần. Công ty lập và theo dõi hồ sơ cổ đông nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp và hợp lệ của cổ đông.

Điều 25 : Quyền lợi của cổ đông

1. Cổ đông của công ty có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác ngoại trừ trường hợp tại khoản 6 điều 15 của Điều lệ này;

- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;
- h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp .

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);
- b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- đ) Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 26 : Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn theo qui định ; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ

trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.

6. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Chương IV

TỔ CHỨC - QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

MỤC I : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần

Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Điều 28. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số **tài sản cố định** có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35% vốn điều lệ của công ty**. Việc thông qua các hợp đồng mua bán, hợp đồng kinh tế khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được nêu tại điều 40, mục 2 của Điều lệ này.

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
- đ) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Điều 29 Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý ở công ty;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- đ) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 02 Điều 25 của điều lệ;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 25 của điều lệ này có quyền đại diện công ty để triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 30. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 của điều lệ này này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều 25 này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 32. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 33. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông là cá nhân có quyền tham dự đại hội đồng cổ đông theo pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho 01 người đại diện của mình tham dự. Cổ đông là tổ chức thì người đại diện uỷ quyền theo quy định tại điều 24 của điều lệ này là người trực tiếp dự họp.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **33%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ này.

Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.

2. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ toạ thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

c) Chủ toạ cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ toạ và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; Các phương tiện thông tin không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết.

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 36. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung Điều lệ công ty;
- b) Thông qua định hướng phát triển dài hạn của Công ty;
- c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số *tài sản cố định* có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ của công ty.
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây :

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, ngoại trừ các quyết định đặc biệt nêu ở khoản b và c sau đây .

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu mà theo hình thức bầu phổ thông, theo đó mỗi cổ đông có Số phiếu biểu quyết bằng với Số cổ phần và được bầu số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên tối đa không quá số lượng quy định tại Điều lệ. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên nhận được số phiếu bầu của mỗi cổ đông bằng với số cổ phần sở hữu của cổ đông đó.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao đến thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn thành viên cuối cùng.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua bằng cách gửi trực tiếp hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty

Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến ;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số

quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các quyết định đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các quyết định đã được thông qua;
 - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty và có thể đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 39. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn **90 ngày**, kể từ ngày biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 25 có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ công ty;
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

MỤC II : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng kinh tế khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, ngoại trừ các quy định tại khoản 2 điều 28 trong Điều lệ này. HĐQT có quyền dùng toàn bộ tài sản hiện có của Công ty để cầm cố, thế chấp tại các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức khác nhằm vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại và quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 01 Điều 19 của điều lệ này;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản cố định có giá trị lớn hơn 10% vốn điều lệ đến tối đa dưới 35% vốn điều lệ.

g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh quản lý Công ty gồm : Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng ; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

h) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

i) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 41. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có **từ bốn đến sáu** thành viên, số lượng cụ thể do đại hội đồng cổ đông đầu mỗi nhiệm kỳ quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp .

b) Là cổ đông cá nhân sở hữu và đại diện sở hữu ít nhất 3% tổng số cổ phần, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty .

c) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp;

2. Thành viên của Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty nhưng không được kiêm nhiệm chức vụ kiểm soát viên;

3. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 01 thư ký hội đồng quản trị (nếu cần). Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hằng ngày;

Điều 43. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu 01 thành viên của hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc công ty .

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì phó chủ tịch hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp phó chủ tịch hội đồng quản trị cũng vắng mặt thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Chủ tịch hội đồng quản trị có thể chỉ định tuyển dụng thư ký để hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền. Thư ký hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây :

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản cuộc họp.

b) Hỗ trợ thành viên hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

c) Hỗ trợ hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông

đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa các thông tin và thủ tục hành chính.

5. Chủ tịch hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ hội đồng quản trị trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Sau đó bầu phó Chủ tịch và bổ nhiệm Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc và kế toán trưởng công ty.

Tại cuộc họp đầu tiên này, việc bầu các chức danh trên theo nguyên tắc đa số, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người triệu tập cuộc họp.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày**, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất **03 ngày** làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị khi được mời tham dự.

Khi được mời dự họp các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 45. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản và có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- d) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 46. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự và thủ tục cung cấp thông tin theo quy định do Công ty ban hành.

Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức;

Trong thời gian không quá 30 ngày khi có 1 trong các trường hợp trên thì Hội đồng quản trị phải họp xem xét ra nghị quyết miễn nhiệm và báo cáo ra Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số thành viên đã được bầu thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

MỤC III : BAN GIÁM ĐỐC

Điều 49 : Tổng Giám đốc công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác làm Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc công ty. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 năm; có thể được bổ nhiệm trở lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm Tổng Giám đốc công ty.

3. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong mọi giao dịch kinh doanh.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

5. Trợ giúp cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 50 : Điều kiện lựa chọn chức danh Tổng Giám đốc

1. Tốt nghiệp đại học một trong các ngành kinh tế, kỹ thuật hoặc quản trị kinh doanh hoặc tương đương trở lên, có am hiểu ngành nghề kinh doanh Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm để quản lý Công ty.

2. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo qui định tại khoản 2 điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp;

Điều 51 : Chức năng và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các qui định của pháp luật có liên quan. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho công ty.

2. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.

5. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

6. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty .

7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, khen thưởng đối với chức danh khác trong công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

8. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.

9. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

10. Tuyển dụng lao động, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong Công ty theo qui định của luật Lao động.

11. Xây dựng và phê duyệt các nội quy, quy chế quản lý công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

12. Ký kết các hợp đồng kinh tế; riêng các hợp đồng theo quy định tại điều lệ này và Luật doanh nghiệp phải thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thì được ủy quyền ký kết thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị.

13. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty hằng quý .

14. Thực hiện chức năng đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 52 : Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất trong việc điều hành các hoạt động nghiệp vụ của Công ty trong khuôn khổ Điều lệ, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch , Phó Chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái quyết định của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho các Kiểm soát viên.

3. Được quyết định các biện pháp thuộc thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố...và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

4. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm nghiệp vụ gây tổn thất cho Công ty.

Điều 53 : Ủy quyền, ủy nhiệm

1. Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty nhưng Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền, ủy nhiệm này.

2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm chỉ được thực hiện công việc theo đúng phạm vi, nội dung được ủy quyền, ủy nhiệm và phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc của mình liên quan đến việc ủy quyền, ủy nhiệm.

3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

4. Tổng Giám đốc Công ty là người ủy quyền, ủy nhiệm duy nhất về lĩnh vực tài chính của Công ty.

Điều 54 : Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách

1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định.

2. Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân.
- Tự ý bỏ nhiệm sở quá 10 ngày liên tục không có lý do chính đáng.
- Vi phạm điều 50 của Điều lệ .

3. Trong trường hợp Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện qui định trong điều 50 đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

MỤC IV : BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành Công ty .

2. Ban kiểm soát do đại hội đồng cổ đông bầu ra và gồm ba thành viên ; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tại cuộc họp đầu tiên của Ban kiểm soát do người có phiếu bầu cao nhất triệu tập, các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên có nghiệp vụ kế toán.

4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 56. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp;
3. Kiểm soát viên không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế Toán Trưởng của Công ty.
4. Kiểm soát viên là cổ đông sở hữu 1% vốn điều lệ hoặc được cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu 1% vốn điều lệ đề cử. Kiểm soát viên là người có nghiệp vụ kế toán, kiểm toán hoặc am hiểu kỹ thuật, ngành nghề kinh doanh của Công ty. Khi được đề cử, kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty

Điều 57. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 của điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Có quyền tham dự, tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 59. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng kinh phí đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 60. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 56 của điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Có đơn xin từ chức.

Trong thời gian không quá 30 ngày khi có 1 trong các trường hợp trên thì Ban kiểm soát phải họp và có biên bản thống nhất về việc miễn nhiệm và báo cáo ra Đại hội đồng cổ đông gần nhất

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ này.

c) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Chương V

GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TRANH TỤNG

Điều 62 : Giải thể

Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Trường hợp Công ty bị lỗ đến 2/3 vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể Công ty.

2. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có quyền đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty và được ít nhất **65%** số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổng số cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

3. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong vòng 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

4. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 63 : Phá sản

1. Khi có quyết định phá sản Công ty, Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian qui định, theo thể lệ tài chính và luật pháp hiện hành.

2. Nguồn tài chính của Công ty sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý được trang trải theo thứ tự ưu tiên đã qui định theo luật phá sản .

3. Trong thời gian làm thủ tục phá sản , các Thanh lý viên và Kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

Điều 64 : Tổ tụng, tranh chấp

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người quyết định đưa các vấn đề tranh chấp ra giải quyết theo pháp luật tố tụng và ủy quyền cho Giám đốc trong mọi giai đoạn tranh tụng.
2. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo qui định hiện hành.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **1% số cổ phần** phổ thông liên tục trong thời gian 6 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với các thành viên hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây (điều 161-Luật doanh nghiệp) :
 - a) Vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp
 - b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao, không thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị
 - c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với pháp luật, điều lệ công ty hoặc nghị quyết của đại hội đồng cổ đông
 - d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
5. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Chương VI

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 65 : Con dấu

- Hội đồng quản trị có quyền quyết định về số lượng , hình thức, nội dung của con dấu Công ty theo qui định của Pháp luật
- Người đại diện trước pháp luật của công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- Hội đồng quản trị ,Ban Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 66 : Sửa đổi điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động của Công ty ,nếu có những điều khoản của bản Điều lệ này không còn phù hợp với tình hình mới thì Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét sửa đổi,bổ sung cho phù hợp.
2. Việc sửa đổi Điều lệ của Công ty phải được **65%** số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt dự họp đại hội đồng cổ đông nhất trí .
3. Trong trường hợp có những qui định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những qui định mới của

pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những qui định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 67. Trình báo cáo hằng năm

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát

Toàn bộ các báo cáo trên phải hoàn chỉnh và có tại trụ sở của công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 68. Công khai thông tin về công ty cổ phần

1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty thông báo trên trang thông tin điện tử các thông tin sau đây:

- a) Điều lệ công ty
- b) Sơ yếu lịch, trình độ học vấn, kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty.
- c) Báo cáo tài chính hằng năm được đại hội đồng cổ đông thông qua.
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của hội đồng quản trị và ban kiểm soát.

3. Khi đủ điều kiện là công ty đại chúng hoặc công ty niêm yết thì việc thực hiện công bố, công khai thông tin của công ty thực hiện theo Luật chứng khoán.

Bản Điều lệ này gồm 6 Chương, 68 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần SEATECCO nhất trí thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2020 và cùng chấp nhận hiệu lực toàn văn của điều lệ này kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2020.

Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị như nhau.

Đà Nẵng ngày 24 tháng 11 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN SEATECCO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHỤ LỤC ĐIỀU LỆ

BIỂU TƯỢNG (LOGO) CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SEATECCO

